

BÀI 3. CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Khoanh tròn A, B, C hoặc D.

1. The man is _____ a box from the floor.
A. picking up B. looking for C. switching off D. greeting
2. The woman is _____ a jacket on a hanger.
A. sweeping B. hanging C. kneeling D. operating
3. The worker is _____ boxes onto a cart.
A. loading B. smiling C. watching D. bending
4. The man is _____ the floor with a mop.
A. polishing B. mopping C. folding D. waving
5. The two colleagues are _____ hands.
A. shaking B. stacking C. unplugging D. dragging
6. The woman is _____ a document on the computer.
A. typing B. sweeping C. lifting D. unloading
7. The man is _____ at the sign.
A. pointing B. packing C. drying D. kneeling
8. The technician is _____ a machine.
A. operating B. greeting C. folding D. waving
9. The employee is _____ the packages to customers.
A. distributing B. leaning C. turning D. sitting
10. The man is _____ the plug from the outlet.
A. unplugging B. arranging C. polishing D. carrying

BÀI 4. DỊCH CỤM TỪ SANG TIẾNG ANH

Viết động từ/cụm động từ tiếng Anh phù hợp.

1. đi bộ: _____
2. quỳ: _____
3. vớ tay: _____
4. cầm, giữ: _____
5. nhặt lên: _____
6. đặt xuống: _____
7. chỉ vào: _____
8. tìm kiếm: _____
9. bắt tay: _____
10. đánh máy: _____
11. xếp chồng: _____
12. rút phích cắm: _____
13. kéo lê: _____
14. dỡ hàng: _____
15. đóng gói: _____
16. lau: _____
17. quét: _____
18. đánh bóng: _____
19. giao hàng: _____